

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 191/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị
Nguyễn Thị Kim D và anh Cồ Quang U.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Văn Giản.
2. Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 26-4-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 19-01-2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-3-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-HNGĐ ngày 09-4-2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 43/52 phố G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú: Thôn A, xã T, huyện M, tỉnh Nam Định.

** Bị đơn:* Anh Cồ Quang U, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 43/52 phố G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị D có mặt. Anh U vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 19-01-2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cồ Quang U tự do tìm hiểu và tự nguyện tổ chức hôn lễ tại gia đình vào năm 2000. Tuy nhiên, đến năm 2004 chị và anh U mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Do cất giữ không cẩn thận nên hiện nay vợ chồng đã mất Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không có sự hòa hợp về lối sống, bất đồng về tính cách, anh U tính tình nóng nảy hay chửi mắng vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, chị đã làm đơn xin ly hôn anh U nhưng vì con nên chị đã rút đơn. Sau khi rút đơn chị đã nói chuyện để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả hai bên tiếp tục mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2019 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên tiếp tục nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Cồ Quang U.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim D xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Cồ Thanh Ng, sinh ngày 25-7-2001 và Cồ Quang Q, sinh ngày 01-01-2006. Cháu Ng đã đủ tuổi thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cháu Cồ Quang Q, hiện nay cháu Q đang trực tiếp sống cùng anh Cồ Quang U nên chị đề nghị sau khi ly hôn anh U trực tiếp nuôi cháu Q, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh U 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Kim D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Cồ Quang U theo quy định của pháp luật. Anh U có lời khai trình bày quan điểm không đồng ý ly hôn chị D nhưng anh không trình bày cụ thể về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Tại các buổi làm việc khác, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh U đều không đến Tòa án làm việc.

Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của đương sự, UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định nơi chị D và anh U đăng ký kết hôn đã xác nhận: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Cồ Quang U tổ chức hôn lễ năm 2000 nhưng do chị D chưa đủ tuổi nên đến năm 2004, chị D và anh U mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Đại diện chính quyền địa phương nơi chị D và anh U cư trú cung cấp: Quá trình chung sống tại địa chỉ số 43/52 phố G, phường V, thành phố N, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên đã có lần chị D làm đơn xin ly hôn anh U nhưng sau đó chị D rút đơn về, hiện nay hai bên đã sống ly thân. Vợ chồng có 02 con chung là: Cồ Thanh Ng, sinh ngày 25-7-2001 và Cồ Quang Q, sinh ngày 01-01-2006. Nay chị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly

hôn anh U và con chung của vợ chồng, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim D và anh Cồ Quang U.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho anh Cồ Quang U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Cồ Quang Q, sinh ngày 01-01-2006. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kim D cấp dưỡng nuôi con cho anh Cồ Quang U 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Kim D không yêu cầu, anh Cồ Quang U không có lời khai nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Cồ Quang U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh U.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Cồ Quang U tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên nảy sinh những bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp, hay cãi chửi nhau. Chị D cũng đã có lần nộp đơn xin ly hôn anh U, sau khi rút đơn về mặc dù đã có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng do khác biệt về lối sống và tính cách nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Điều đó chứng tỏ hôn nhân hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý

hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim D và anh Cồ Quang U theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Đối với cháu Cồ Thanh Ng, sinh ngày 25-7-2001 đã đủ thành niên nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đối với cháu Cồ Quang Q: Tuy anh Cồ Quang U không có quan điểm về việc giải quyết con chung nhưng hiện nay cháu Q đang sinh sống cùng anh U. Cháu Q cũng có đơn trình bày nguyện vọng được sống với bố. Tính đến thời điểm chị D và anh U ly hôn, cháu Q đã trên 07 tuổi nên nguyện vọng của cháu cần được ghi nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, cháu Cồ Quang Q giới tính là nam nên cháu Q ở với anh U sẽ được anh U chăm sóc, dạy dỗ, chia sẻ về tâm lý, giới tính phù hợp hơn với chị D. Vì vậy, để ổn định cuộc sống, đảm bảo lợi ích tất cả các mặt của con chung, căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử giao cho anh Cồ Quang U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Cồ Quang Q, sinh ngày 01-01-2006 là có cơ sở và phù hợp với thực tế. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kim D cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Cồ Quang U 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Kim D không yêu cầu, anh Cồ Quang U không có lời khai nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim D và anh Cồ Quang U.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Cồ Quang U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Cồ Quang Q, sinh ngày 01-01-2006. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kim D cấp dưỡng nuôi con cho anh Cồ Quang U 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi con chung đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động.

Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Cồ Quang U đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0003483 ngày 19-01-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định, chị D còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cồ Quang U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng